

性騷擾防治 遇到騷擾怎麼辦



性騷擾防治-遇到騷擾怎麼辦

根據法律，**跟蹤騷擾**為對特定人反覆或持續違反其意願且與性別有關之行爲，使對方心生畏怖，足以影響其日常生活或社會活動，包括：

- ◆ 監視觀察
- ◆ 尾隨接近
- ◆ 不當追求
- ◆ 冒用個資
- ◆ 通訊騷擾
- ◆ 妨害名譽
- ◆ 歧視貶抑



性騷擾防治-遇到騷擾怎麼辦

而**性騷擾**是指違反他人意願且不受歡迎，與性或性別有關的騷擾，利用科技設備、權勢、強暴脅迫、恐嚇等手段的性意味言行或性要求，包括：

- ◆ 偷窺偷拍
- ◆ 肢體騷擾
- ◆ 暴露隱私部位
- ◆ 傳送猥褻圖文影音
- ◆ 跟蹤或不當追求
- ◆ 歧視貶抑



遇到騷擾情形，請撥打110報案專線或113保護專線，或前往附近警察機關報案，如需通譯服務請撥打1955

การป้องกันการคุกคามทางเพศ หากถูกคุกคาม ควรทำอย่างไร



ตามกฎหมาย **การสะกดรอยและคุกคาม** หมายถึง การกระทำซ้ำ ๆ หรืออย่างต่อเนื่องต่อบุคคลใดบุคคลหนึ่ง โดยฝ่าฝืนความประสงค์ของอีกฝ่าย และมีลักษณะเกี่ยวข้องกับเพศสภาพ ทำให้ผู้ถูกคุกคามรู้สึกกลัว จนส่งผลกระทบต่อการใช้ชีวิตประจำวันหรือกิจกรรมทางสังคม ซึ่งรวมถึงพฤติกรรมดังต่อไปนี้:

- ♦ การเฝ้าดูหรือสอดแนม
- ♦ การสะกดรอยหรือติดตามแบบประชิดตัว
- ♦ การตามจับหรือรุกล้ำโดยไม่เหมาะสม
- ♦ การนำข้อมูลส่วนบุคคลไปใช้โดยไม่ได้รับอนุญาต
- ♦ การตามรังควานผ่านอุปกรณ์สื่อสาร
- ♦ การทำลายชื่อเสียง
- ♦ การดูหมิ่นหรือเหยียดเพศ



ส่วนการคุกคามทางเพศ หมายถึง การกระทำที่อีกฝ่ายไม่ต้องการและไม่พึงพอใจ ซึ่งเกี่ยวข้องกับเรื่องเพศหรือเพศสภาพ โดยใช้เทคโนโลยี อำนาจ การข่มขู่ หรือการบังคับให้ทำสิ่งที่มีนัยทางเพศทั้งทางวาจาและการกระทำ ซึ่งรวมถึง

- ♦ แอบดูหรือแอบถ่าย
- ♦ การสัมผัสร่างกายโดยไม่ได้รับความยินยอม
- ♦ การเปิดเผยอวัยวะที่ควรปกปิด
- ♦ การส่งข้อความ รูปภาพ หรือคลิปวิดีโอลามก
- ♦ กาสะกดรอยหรือตามจิบอย่างไม่เหมาะสม
- ♦ การดูหมิ่นหรือเหยียดเพศ



หากคุณพบเจอเหตุการณ์คุกคาม โปรดโทรสายด่วนแจ้งเหตุร้าย 110
หรือโทรสายด่วนคุ้มครอง 113 หรือไปแจ้งความที่สถานีตำรวจใกล้บ้าน
หากต้องการล่ามแปลภาษากรุณาโทรสายด่วน 1955

Pencegahan Pelecehan Seksual

Apa yang Harus Dilakukan Saat Mengalami Pelecehan



Apa yang Harus Dilakukan Saat Mengalami Pelecehan

Menurut hukum, **penguntitan dan pelecehan** adalah tindakan yang dilakukan secara berulang atau terus-menerus terhadap orang tertentu, yang bertentangan dengan keinginannya dan berkaitan dengan gender, sehingga membuat korban merasa takut dan cukup untuk memengaruhi kehidupan sehari-hari atau kegiatan sosialnya. Tindakan ini mencakup:

- ◆ Mengawasi mengamati
- ◆ Membuntuti mendekati
- ◆ Pengejaran yang tidak pantas
- ◆ Menyalahgunakan data pribadi
- ◆ Pelecehan melalui komunikasi
- ◆ Merusak nama baik
- ◆ Diskriminasi merendahkan



Apa yang Harus Dilakukan Saat Mengalami Pelecehan

Sementara itu, **pelecehan seksual** adalah pelecehan yang tidak diinginkan, bertentangan dengan kehendak orang lain, dan berkaitan dengan seks atau gender. Menggunakan sarana seperti perangkat teknologi, kekuasaan, paksaan dengan kekerasan, atau ancaman untuk melakukan perkataan atau perbuatan yang bermakna seksual atau permintaan seksual. Ini mencakup:

- ◆ Mengintip atau memotret/merekam secara diam-diam
- ◆ Pelecehan fisik
- ◆ Mengekspos bagian tubuh pribadi
- ◆ Mengirim gambar, tulisan, atau video/audio cabul
- ◆ Menguntit atau melakukan pengejaran yang tidak pantas
- ◆ Diskriminasi merendahkan



Jika Anda mengalami situasi pelecehan, silakan hubungi saluran siaga pelaporan 110 atau saluran siaga perlindungan 113, atau datang ke kantor polisi terdekat untuk melapor. Jika memerlukan layanan penerjemah, silakan hubungi 1955

Phòng chống Quấy rối tình dục Phải làm gì khi bị quấy rối



Theo luật pháp, **theo dõi quấy rối** là hành vi lặp đi lặp lại hoặc liên tục, trái với ý muốn của một người cụ thể và có liên quan đến giới tính, khiến người đó cảm thấy sợ hãi, ảnh hưởng đến cuộc sống hàng ngày hoặc các hoạt động xã hội của họ, bao gồm:

- ◆ Giám sát, quan sát
- ◆ Theo dõi, tiếp cận
- ◆ Hành vi theo đuổi không phù hợp
- ◆ Mạo danh thông tin cá nhân
- ◆ Quấy rối qua liên lạc (điện thoại, tin nhắn...)
- ◆ Xâm phạm danh dự
- ◆ Phân biệt đối xử hoặc hạ thấp nhân phẩm



Phòng chống Quấy rối tình dục

Phải làm gì khi bị quấy rối

Quấy rối tình dục là hành vi quấy rối trái với ý muốn của người khác, không được chào đón, có liên quan đến tình dục hoặc giới tính, sử dụng thiết bị công nghệ, quyền lực, bạo lực, đe dọa, ép buộc hoặc các phương tiện khác để thực hiện các lời nói, hành vi mang tính tình dục hoặc yêu cầu tình dục, bao gồm:

- ◆ Nhìn trộm, chụp/quay lén
- ◆ Quấy rối thể chất
- ◆ Phơi bày bộ phận riêng tư
- ◆ Gửi hình ảnh/video khiêu dâm, đòi trụy
- ◆ Theo dõi hoặc hành vi gạ gẫm không phù hợp
- ◆ Phân biệt đối xử hoặc hạ thấp nhân phẩm



Nếu bạn bị quấy rối, hãy gọi đường dây nóng 110 hoặc 113, hoặc trình báo với đồn cảnh sát gần nhất. Nếu cần phiên dịch hãy gọi 1955

Preventing sexual harassment what to do if you are harassed



In accordance with the law, **stalking or harassing** refers to repeated or continuous gender related behavior that violates the wishes of a specific individual in a way that makes them feel scared and impacts their daily life or social activities, includes the following:

- ◆ Monitoring and observing
- ◆ Following and approaching
- ◆ Inappropriate pursuit
- ◆ Misuse of personal information
- ◆ Harassment through communications
- ◆ Causing reputational damage
- ◆ Discriminatory or belittling behavior



Preventing sexual harassment

what to do if you are harassed

Sexual harassment refers to unwelcome sexual or gender related behavior that violates the wishes of an individual, employing sexual language, actions or demands through the use of technology, abuse of authority, coercion, threats or intimidation, including:

- ◆ Spying on or secretly filming
- ◆ Physical harassment
- ◆ Exposing one's private parts
- ◆ Sending obscene pictures, text, audio or video messages
- ◆ Stalking or inappropriate pursuit
- ◆ Discriminatory or belittling behavior



If you encounter harassment call the 110 Police Reporting Hotline or the 113 Women and Children Protection Hotline. Alternatively, file a report at a nearby police station. If you require interpretation services call the 1955 Hotline